

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG -  
QUẢNG TRỊ**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

# MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	7 - 8
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	9
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	10
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	11 - 36

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

### **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

#### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3200228141 ngày 28/10/2005, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 23/05/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.

Công ty đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 303031000020 ngày 27/09/2001 có giá trị 50 năm kể từ ngày cấp. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 03 lần điều chỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/04/2013 với số đăng ký là 30221000429.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 958/QĐ-SGDHN ngày 16/12/2010 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán MDF. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán MDF là 25/02/2011.

Trụ sở chính của Công ty tại KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 551.135.950.000 đồng.

Vốn thực góp tại ngày 31/12/2021 là 551.135.950.000 đồng.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200228141 ngày 23/05/2016 ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Chi tiết: Sản xuất gỗ ván nhân tạo (MDF, okal, ván phủ veneer, veneer, ván phủ melamin, ván ghép thanh và các sản phẩm từ gỗ);
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: Sản xuất các loại nhựa UF, các loại keo dán;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: trồng, khai thác nguyên liệu gỗ để sản xuất gỗ MDF, giấy và cây công nghiệp khác;
- Khai thác gỗ. Chi tiết: Sản xuất gỗ các loại;
- Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Chi tiết: Sản xuất dăm gỗ nguyên liệu;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tẻt bện. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư xăng dầu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu gỗ ván nhân tạo; gỗ các loại, dăm gỗ nguyên liệu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh xuất nhập khẩu các loại nhựa UF, các loại keo dán, phân bón, hóa chất sử dụng phục vụ sản xuất công nghiệp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng; Thi công các công trình điện cấp điện áp dưới 22KV;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Mua bán và xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, dụng cụ dùng để sản xuất gỗ, xe, máy móc thiết bị, phụ tùng;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

### **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

- Vận tải hành khách đường bộ khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán. Chi tiết: Kinh doanh đầu tư chứng khoán;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

#### **2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm 2021 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm**

Ông Trương Minh Trung	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Đỗ Hữu Phước	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Cao Thanh Nam	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Chơn Biên	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Huỳnh Duy Hiền	Thành viên hội đồng quản trị

##### **Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm**

Ông Cao Thanh Nam	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Mai	Phó Tổng Giám đốc

##### **Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm**

Ông Lê Chiến Sỹ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hồng Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Trung	Thành viên

#### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Cao Thanh Nam, chức vụ Tổng Giám đốc.

#### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính năm 2021 đính kèm.

#### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

#### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

### **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *Ut*

**Cao Thanh Nam**  
**Tổng Giám đốc**

Quảng Trị, ngày 16 tháng 02 năm 2022



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Số: 065/2022/BCKT-PB.00369

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

**Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 kèm theo của Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 02 năm 2022, từ trang 7 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày,

phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**ÔNG THẾ ĐỨC**

Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0855-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2022

**ĐẶNG NGỌC KHÁNH**

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 2505-2019-009-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>416.916.877.144</b>	<b>301.180.251.721</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>37.632.332.491</b>	<b>68.603.860.356</b>
1. Tiền	111		37.632.332.491	68.603.860.356
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>26.637.548.743</b>	<b>41.803.202.615</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	19.942.090.006	32.907.597.817
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	9.797.727.036	6.837.777.963
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.008.401.746	6.902.728.289
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(5.110.670.045)	(4.844.901.454)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>348.095.812.750</b>	<b>185.163.350.520</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	350.813.404.617	185.163.350.520
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.717.591.867)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.551.183.160</b>	<b>5.609.838.230</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.a	4.537.723.926	5.606.235.674
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13b	13.459.234	3.602.556
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>888.460.475.399</b>	<b>979.087.438.453</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>872.672.242.390</b>	<b>965.957.729.198</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	871.657.059.971	964.468.311.169
- Nguyên giá	222		1.783.895.793.999	1.777.827.624.810
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(912.238.734.028)	(813.359.313.641)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.015.182.419	1.489.418.029
- Nguyên giá	228		4.296.355.380	4.296.355.380
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.281.172.961)	(2.806.937.351)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	5.10	<b>56.325.606</b>	<b>699.664.039</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		56.325.606	699.664.039
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5.11	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.731.907.403</b>	<b>9.430.045.216</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.b	12.731.907.403	9.430.045.216
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.305.377.352.543</b>	<b>1.280.267.690.174</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>580.332.765.174</b>	<b>595.493.873.358</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>438.724.118.701</b>	<b>343.885.226.885</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	61.433.382.575	47.430.425.047
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	922.875.016	17.891.382.925
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà	313	5.13a	14.885.095.121	12.048.157.363
4. Phải trả người lao động	314		25.658.093.596	14.316.188.068
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	3.205.991.171	5.567.333.214
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	25.830.559.552	797.152.807
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17a	300.698.565.658	238.578.488.585
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.089.556.012	7.256.098.876
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>141.608.646.473</b>	<b>251.608.646.473</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17b	141.608.646.473	251.608.646.473
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>725.044.587.369</b>	<b>684.773.816.816</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>725.044.587.369</b>	<b>684.773.816.816</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		551.135.950.000	551.135.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		551.135.950.000	551.135.950.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.999.994.000	11.999.994.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		100.837.039.040	105.340.964.076
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61.071.604.329	16.296.908.740
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		61.071.604.329	16.296.908.740
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.305.377.352.543</b>	<b>1.280.267.690.174</b>



Cao Thanh Nam  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 16 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Cao Duy Hải  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.122.055.795.069	917.174.341.159
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	2.515.011.322	3.667.172.366
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.119.540.783.747	913.507.168.793
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	903.516.833.412	758.881.171.330
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		216.023.950.335	154.625.997.463
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	624.618.568	575.620.055
7. Chi phí tài chính	22	6.5	29.877.426.495	50.679.785.657
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		29.852.962.220	50.550.507.308
8. Chi phí bán hàng	25	6.6a	58.870.126.339	60.450.031.739
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6b	16.044.711.983	12.031.806.894
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		111.856.304.086	32.039.993.228
11. Thu nhập khác	31	6.7	937.826.786	3.628.235.257
12. Chi phí khác	32	6.8	8.666.131.452	3.983.476.577
13. Lợi nhuận khác	40		(7.728.304.666)	(355.241.320)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		104.127.999.420	31.684.751.908
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	18.255.277.341	6.662.946.155
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		85.872.722.079	25.021.805.753
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.558	327
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	1.558	327

**Cao Thanh Nam**  
**Tổng Giám đốc**

Quảng Trị, ngày 16 tháng 02 năm 2022

  
**Nguyễn Mạnh Cường**  
**Kế toán trưởng**  
**Cao Duy Hải**  
**Người lập**

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	1.116.626.044.681	1.017.544.782.390
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(934.933.709.895)	(651.591.261.045)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(57.369.978.595)	(45.827.281.423)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(31.134.814.632)	(52.256.077.333)
5. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(11.877.168.779)	(7.768.215.358)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	116.905.377.294	100.627.920.231
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(158.128.328.312)	(104.369.126.618)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>40.087.421.762</b>	<b>256.360.740.844</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.832.857.816)	(3.976.274.116)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	715.517.000	-
3. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.161.324	14.918.471
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(5.090.179.492)</b>	<b>(3.961.355.645)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	486.142.745.409	471.359.795.870
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(534.022.668.336)	(676.416.045.498)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.088.766.824)	(16.568.303.239)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(65.968.689.751)</b>	<b>(221.624.552.867)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(30.971.447.481)</b>	<b>30.774.832.332</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>68.603.860.356</b>	<b>37.836.077.561</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(80.384)	(7.049.537)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>37.632.332.491</b>	<b>68.603.860.356</b>



Cao Thanh Nam  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 16 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Cao Duy Hải  
Người lập

# CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1 Khái quát chung

Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3200228141 ngày 28/10/2005, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 23/05/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.

Công ty đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 303031000020 ngày 27/09/2001 có giá trị 50 năm kể từ ngày cấp. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 03 lần điều chỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/04/2013 với số đăng ký là 30221000429.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 958/QĐ-SGDHN ngày 16/12/2010 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán MDF. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán MDF là 25/02/2011.

Trụ sở chính của Công ty tại KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 551.135.950.000 đồng.

Vốn thực góp tại ngày 31/12/2021 là 551.135.950.000 đồng.

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Chi tiết: Sản xuất gỗ ván nhân tạo (MDF, okal, ván phủ veneer, veneer, ván phủ melamin, ván ghép thanh và các sản phẩm từ gỗ);
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: Sản xuất các loại nhựa UF, các loại keo dán;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: trồng, khai thác nguyên liệu gỗ để sản xuất gỗ MDF, giấy và cây công nghiệp khác;
- Khai thác gỗ. Chi tiết: Sản xuất gỗ các loại;
- Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Chi tiết: Sản xuất dăm gỗ nguyên liệu;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư xăng dầu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu gỗ ván nhân tạo; gỗ các loại, dăm gỗ nguyên liệu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh xuất nhập khẩu các loại nhựa UF, các loại keo dán, phân bón, hóa chất sử dụng phục vụ sản xuất công nghiệp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;

## CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Chuẩn bị mặt bằng; Thi công các công trình điện cấp điện áp dưới 22KV;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Mua bán và xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, dụng cụ dùng để sản xuất gỗ, xe, máy móc thiết bị, phụ tùng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán. Chi tiết: Kinh doanh đầu tư chứng khoán;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

#### 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

##### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

##### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

##### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

##### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

---

#### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### **4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### **4.6 Tài sản cố định và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc, phương tiện vận tải phục vụ quản lý: Công ty áp dụng phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Đối với tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ sản xuất: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản xuất.

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

#### 4.8 **Vốn chủ sở hữu**

##### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

##### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### **Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### 4.9 **Ghi nhận doanh thu**

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

---

#### **4.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### **4.11 Thuế**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

#### **4.12 Công cụ tài chính**

##### **Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

##### **Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **4.13 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**  
**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	32.178.760	52.942.963
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.600.153.731	68.550.917.393
<b>Cộng</b>	<b>37.632.332.491</b>	<b>68.603.860.356</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu của khách hàng khác</b>	<b>19.942.090.006</b>	<b>32.907.597.817</b>
- Công ty TNHH Thương Mại Gỗ Gia Khang	3.234.139.200	-
- Công ty TNHH MDF An Thịnh Phát	2.556.234.176	-
- Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	3.276.440.700	4.426.440.700
- Công ty TNHH ROCHDALE SPEARS	-	3.850.575.300
- Công ty TNHH MTV Mavina Hoà Bình	1.751.700.000	2.751.700.000
- Công ty CP Đầu tư sản xuất và Thương mại quốc tế Việt Đức	1.609.896.000	3.059.896.000
- Công ty TNHH SX Và TM Mavina	951.346.002	3.151.346.002
- Công ty TNHH TM DV Và XNK Bảo Lâm	1.246.700.760	2.820.095.365
- Khách hàng khác	5.315.633.168	12.847.544.450
<b>Cộng</b>	<b>19.942.090.006</b>	<b>32.907.597.817</b>

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>9.797.727.036</b>	<b>6.837.777.963</b>
- Điện lực Đông Hà	1.837.426.665	1.178.786.503
- Điện lực Gio Linh	2.263.669.030	-
- IMAL SRL	938.755.150	1.162.027.239
- ANDRITZ AG	1.082.712.113	-
- Khách hàng khác	3.675.164.078	4.496.964.221
<b>Cộng</b>	<b>9.797.727.036</b>	<b>6.837.777.963</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.4 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.008.401.746</b>	<b>118.917.278</b>	<b>6.902.728.289</b>	<b>118.917.278</b>
- Ký cược, ký quỹ	-	-	4.553.771.040	-
- Phải thu khác	385.376.785	118.917.278	571.126.605	118.917.278
- Tạm ứng	1.623.024.961	-	1.777.830.644	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.008.401.746</b>	<b>118.917.278</b>	<b>6.902.728.289</b>	<b>118.917.278</b>

**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Thời gian quá hạn
Phải thu khách hàng	5.055.955.397	4.652.213.629	-	6.973.559.397	4.328.143.650	-
- Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	3.276.440.700	3.276.440.700	>3 năm	4.426.440.700	3.098.508.490	>3 năm
- Công ty CP Thương mại Lâm Triều	807.483.537	403.741.769	>1 năm	1.317.483.537	-	< 6 tháng
- Các khách hàng khác	972.031.160	972.031.160	>3 năm	1.229.635.160	1.229.635.160	>3 năm
Phải thu khác	37.550	37.550		118.917.278	118.917.278	
- Các đối tượng khác	37.550	37.550	>3 năm	118.917.278	118.917.278	>3 năm
Trả trước người bán	476.418.866	458.418.866		416.418.866	397.840.526	
- Công ty TNHH thiết kế XD và TM Hoàng Đức	202.100.000	202.100.000	>3 năm	202.100.000	202.100.000	>3 năm
- Các khách hàng khác	274.318.866	256.318.866	2-3; >3 năm	214.318.866	195.740.526	2-3; >3 năm
<b>Cộng</b>	<b>5.532.411.813</b>	<b>5.110.670.045</b>		<b>7.508.895.541</b>	<b>4.844.901.454</b>	

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	87.950.965.679	-	71.538.666.322	-
Công cụ, dụng cụ	95.954.712.762	-	94.010.080.332	-
- Trong đó: Thiết bị phụ tùng thay thế	71.241.301.477	-	86.011.637.070	-
Chi phí SXKD DD	1.290.856.882	-	2.480.466.185	-
Thành phẩm	165.616.869.294	2.717.591.867	17.129.610.411	-
Hàng hóa	-	-	4.527.270	-
<b>Cộng</b>	<b>350.813.404.617</b>	<b>2.717.591.867</b>	<b>185.163.350.520</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.7 Chi phí trả trước**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>4.537.723.926</b>	<b>5.606.235.674</b>
- Chi phí bảo hiểm	23.982.211	65.649.472
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.329.920.880	5.013.528.206
- Các khoản khác	183.820.835	527.057.996
<b>b. Dài hạn</b>	<b>12.731.907.403</b>	<b>9.430.045.216</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	11.483.310.240	7.152.432.825
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	232.535.530	172.299.317
- Các khoản khác	1.016.061.633	2.105.313.074
<b>Cộng</b>	<b>17.269.631.329</b>	<b>15.036.280.890</b>

**5.8 Tài sản cố định vô hình**

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
01/01/2021	247.990.000	3.638.365.380	410.000.000	4.296.355.380
31/12/2021	247.990.000	3.638.365.380	410.000.000	4.296.355.380
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
01/01/2021	238.867.874	2.554.803.207	13.266.270	2.806.937.351
- Khấu hao trong năm	9.122.126	454.500.468	10.613.016	474.235.610
31/12/2021	247.990.000	3.009.303.675	23.879.286	3.281.172.961
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
01/01/2021	9.122.126	1.083.562.173	396.733.730	1.489.418.029
31/12/2021	-	629.061.705	386.120.714	1.015.182.419

- Không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2021.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.9 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2021	270.740.665.099	1.463.784.604.755	41.939.730.812	892.193.193	470.430.951	1.777.827.624.810
- Mua trong kỳ	-	1.836.235.404	2.390.909.091	-	-	4.227.144.495
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.841.024.694	-	-	-	-	1.841.024.694
31/12/2021	<u>272.581.689.793</u>	<u>1.465.620.840.159</u>	<u>44.330.639.903</u>	<u>892.193.193</u>	<u>470.430.951</u>	<u>1.783.895.793.999</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2021	87.096.831.888	695.985.897.134	29.352.977.466	876.564.057	47.043.096	813.359.313.641
- Khấu hao trong kỳ	14.090.549.155	78.383.065.329	6.296.090.577	15.629.136	94.086.190	98.879.420.387
31/12/2021	<u>101.187.381.043</u>	<u>774.368.962.463</u>	<u>35.649.068.043</u>	<u>892.193.193</u>	<u>141.129.286</u>	<u>912.238.734.028</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2021	<u>183.643.833.211</u>	<u>767.798.707.621</u>	<u>12.586.753.346</u>	<u>15.629.136</u>	<u>423.387.855</u>	<u>964.468.311.169</u>
31/12/2021	<u>171.394.308.750</u>	<u>691.251.877.696</u>	<u>8.681.571.860</u>	<u>-</u>	<u>329.301.665</u>	<u>871.657.059.971</u>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

810.751.426.839 đồng

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

484.099.961.882 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.10 Tài sản dở dang**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				-
- Đầu tư LD trồng rừng với ông Anh	25.067.244	25.067.244	25.067.244	25.067.244
- Đầu tư LD trồng rừng với ông Bình	13.564.248	13.564.248	13.564.248	13.564.248
- Rừng xã Húc - Hướng Hóa	17.694.114	17.694.114	17.694.114	17.694.114
- Rừng xã Ba Nang, rừng Tân Hợp		-	643.338.433	643.338.433
<b>Cộng</b>	<b>56.325.606</b>	<b>56.325.606</b>	<b>699.664.039</b>	<b>699.664.039</b>

**5.11 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đây là khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị, đến thời điểm 31/12/2021 Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị. Do cổ phiếu của Công ty cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị chưa được niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán và Công ty không có được nguồn dữ liệu tham khảo đáng tin cậy về giá trị của cổ phiếu này nên Công ty đang ghi nhận giá trị khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính theo giá gốc và không trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp. Giá trị khoản đầu tư nêu trên ghi nhận trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 là 3.000.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.12 Phải trả người bán**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
		VND		VND
a. Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
b. Các khoản phải trả người bán khác	<b>61.433.382.575</b>	<b>61.433.382.575</b>	<b>47.430.425.047</b>	<b>47.430.425.047</b>
- Công ty CP VINA FARM Việt nam	4.325.000.000	4.325.000.000	-	-
- Cty TNHH hoá chất công nghệ Sam Sung VN	22.877.344.259	22.877.344.259	1.533.044.700	1.533.044.700
- EXCEL LEADER DEVELOPMENT LIMITED	9.409.806.000	9.409.806.000	6.609.150.000	6.609.150.000
- Công ty TNHH KC Hà Tĩnh	-	-	2.223.900.000	2.223.900.000
- Công ty TNHH Nhuận Bằng	-	-	2.963.913.942	2.963.913.942
- Công ty TNHH DV & TM Quyết Hiền	-	-	5.424.810.000	5.424.810.000
- Công Ty TNHH Ngôi Nhà Di Động	627.525.816	627.525.816	2.299.119.000	2.299.119.000
- Công ty Cổ Phần Hoá Chất Miền Bắc	-	-	12.034.491.180	12.034.491.180
- Phải trả nhà cung cấp khác	24.193.706.500	24.193.706.500	14.341.996.225	14.341.996.225
<b>Cộng</b>	<b>61.433.382.575</b>	<b>61.433.382.575</b>	<b>47.430.425.047</b>	<b>47.430.425.047</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ!**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BAO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Thuế và các khoản phải nộp</b>	<b>12.048.157.363</b>	<b>134.900.781.842</b>	<b>132.063.844.084</b>	<b>14.885.095.121</b>
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	10.287.156.713	114.847.344.402	118.705.765.770	6.428.735.345
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.752.363.812	18.255.277.341	11.877.168.779	8.130.472.374
- Thuế thu nhập cá nhân	8.636.838	1.795.160.099	1.477.909.535	325.887.402
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.524.828	3.524.828	-
<b>Cộng</b>	<b>12.048.157.363</b>	<b>134.904.306.670</b>	<b>132.067.368.912</b>	<b>14.885.095.121</b>
<b>b. Thuế và các khoản phải thu</b>	<b>01/01/2021</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã thực nộp trong năm</b>	<b>31/12/2021</b>
	VND	VND	VND	VND
- Thuế xuất nhập khẩu	3.602.556	531.489.743	541.346.421	13.459.234
	3.602.556	531.489.743	541.346.421	13.459.234
<b>Cộng</b>	<b>3.602.556</b>	<b>531.489.743</b>	<b>541.346.421</b>	<b>13.459.234</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.14 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước khác	922.875.016	17.891.382.925
- Công ty TNHH Dịch Vụ Và Thương Mại Minh Thủy	-	4.678.337.462
- Công ty TNHH Gỗ Trung Nguyên	-	6.223.976.854
- Công ty TNHH Gỗ hòa Thiện	-	2.680.012.584
- Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Châu Tín	29.016.000	885.000.000
- Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Nam Hải	265.064.000	-
- Khách hàng khác	628.795.016	3.424.056.025
<b>Cộng</b>	<b>922.875.016</b>	<b>17.891.382.925</b>

**5.15 Chi phí phải trả**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a. Ngắn hạn	3.205.991.171	5.567.333.214
- Trích trước lãi vay phải trả	2.817.209.351	4.030.624.124
- Trích trước chi phí vận chuyển	388.781.820	1.536.709.090
b. Dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.205.991.171</b>	<b>5.567.333.214</b>

**5.16 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a. Ngắn hạn	25.830.559.552	797.152.807
- Kinh phí công đoàn	258.152.367	123.591.158
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.572.407.185	673.561.649
+ <i>Thù lao HDQT, BKS</i>	158.850.000	8.000.000
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	25.043.577.076	300.072.397
+ <i>Các khoản khác</i>	369.980.109	365.489.252
b. Dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>25.830.559.552</b>	<b>797.152.807</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính**

TT	Nội dung	Giá trị	31/12/2021	Trong năm		Giá trị	01/01/2021
			Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>		<b>300.698.565.658</b>	<b>300.698.565.658</b>	<b>571.342.745.409</b>	<b>509.222.668.336</b>	<b>238.578.488.585</b>	<b>238.578.488.585</b>
-	Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Quảng Trị	-	-	12.347.485.983	34.932.584.817	22.585.098.834	22.585.098.834
-	Ngân hàng TMCP Vietinbank - CN Quảng Trị <sup>(1)</sup>	75.492.662.351	75.492.662.351	199.150.303.936	227.790.130.610	104.132.489.025	104.132.489.025
-	Ngân hàng TMCP Vietcombank - CN Quảng Trị <sup>(2)</sup>	140.005.903.307	140.005.903.307	274.644.955.490	166.499.952.909	31.860.900.726	31.860.900.726
-	Nợ dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Vietcombank - CN Quảng Trị	85.200.000.000	85.200.000.000	85.200.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
<b>b. Vay dài hạn</b>		<b>141.608.646.473</b>	<b>141.608.646.473</b>	-	<b>110.000.000.000</b>	<b>251.608.646.473</b>	<b>251.608.646.473</b>
-	Ngân hàng TMCP Vietcombank - CN Quảng Trị <sup>(3)</sup>	141.608.646.473	141.608.646.473	-	110.000.000.000	251.608.646.473	251.608.646.473
	<b>Cộng</b>	<b>442.307.212.131</b>	<b>442.307.212.131</b>	<b>571.342.745.409</b>	<b>619.222.668.336</b>	<b>490.187.135.058</b>	<b>490.187.135.058</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

---

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp)**

(1) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo hợp đồng cho vay hạn mức số 0406/2021-HĐCVHM/NHCT450-CTMDFQUANGTRI ngày 04/06/2021 để bổ sung vốn lưu động (không thanh toán công cụ dụng cụ) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ván gỗ nhân tạo MDF. Hạn mức cho vay tối đa tại mọi thời điểm là 200 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 04/06/2021 đến 31/05/2022, trong đó thời hạn cho vay của từng khoản nợ không quá 6 tháng, lãi suất cho vay: ghi cụ thể trên giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa số 1703/2015/HĐTCHH ngày 17/05/2015 và hợp đồng thế chấp tài sản số 1703/2015/HĐTCQTTS ngày 17/05/2015.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 30BB/HĐHM/2021 ngày 30/11/2021. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, hạn mức tín dụng là 270 tỷ đồng. Mục đích vay để tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản và các quyền đòi nợ quy định tại các hợp đồng thế chấp sau: hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐTC/VCB-MDF.VRG ngày 26/04/2014, hợp đồng số 03/2014/HĐTC/VCB-MDF.VRG ngày 26/04/2014, hợp đồng số 02/2014/HĐTC/VCB-MDF.VRG ngày 11/04/2014, hợp đồng số 04/2014/HĐTC/VCB-MDF.VRG ngày 11/04/2014, hợp đồng số 496A/HĐTC/2017 ngày 27/09/2017, hợp đồng số 496B/HĐTC/2017 ngày 27/09/2017.

(3) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD/VCB-MDF.VRG ngày 11/04/2014 để thực hiện đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất MDF tại KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Theo đó tổng hạn mức cho vay là 750 tỷ đồng được đảm bảo bằng quyền Tài sản hình thành trong tương lai và toàn bộ nhà xưởng xây dựng và dây chuyền sản xuất máy móc thiết bị đồng bộ của dự án sản xuất gỗ MDF công suất 60.000 m<sup>3</sup>/năm và quyền tài sản hình thành trong tương lai, thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ 3,3%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.18 Vốn chủ sở hữu****5.18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2020</b>	<b>551.135.950.000</b>	<b>11.999.994.000</b>	-	<b>93.776.096.773</b>	<b>11.104.942.267</b>	<b>668.016.983.040</b>
- Tăng trong năm trước	-	-	45.295.090	11.564.867.303	25.021.805.753	<b>36.631.968.146</b>
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	25.021.805.753	<b>25.021.805.753</b>
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	11.564.867.303	-	-
- Tăng khác	-	-	45.295.090	-	-	<b>45.295.090</b>
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	(45.295.090)	-	(19.829.839.280)	<b>(19.875.134.370)</b>
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(11.564.867.303)	-
- Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	(8.264.971.977)	-
- Giảm khác	-	-	(45.295.090)	-	-	<b>(45.295.090)</b>
<b>31/12/2020</b>	<b>551.135.950.000</b>	<b>11.999.994.000</b>	-	<b>105.340.964.076</b>	<b>16.296.908.740</b>	<b>684.773.816.816</b>
<b>01/01/2021</b>	<b>551.135.950.000</b>	<b>11.999.994.000</b>	-	<b>105.340.964.076</b>	<b>16.296.908.740</b>	<b>684.773.816.816</b>
- Tăng trong năm nay	-	-	57.177.965	(4.503.925.036)	85.872.722.079	81.425.975.008
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	85.872.722.079	85.872.722.079
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(4.503.925.036)	-	(4.503.925.036)
- Tăng khác	-	-	57.177.965	-	-	57.177.965
- Giảm trong trong năm nay	-	-	(57.177.965)	-	(41.098.026.490)	<b>(41.155.204.455)</b>
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	4.503.925.036	4.503.925.036
- Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	(2.769.680.023)	(2.769.680.023)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.031.153.753)	(18.031.153.753)
- Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	(24.801.117.750)	(24.801.117.750)
- Giảm khác	-	-	(57.177.965)	-	-	<b>(57.177.965)</b>
<b>31/12/2021</b>	<b>551.135.950.000</b>	<b>11.999.994.000</b>	-	<b>100.837.039.040</b>	<b>61.071.604.329</b>	<b>725.044.587.369</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 03/NQ-ĐHĐCĐ.MDFQT ngày 17/6/2021, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ TN 2021 ngày 17/6/2021	Đã tạm phân phối theo công văn 41/HĐQTCSVN-TCKT ngày 18/01/2021 của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam	Lợi nhuận phân phối trong kỳ	
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	6.987.653.000	4.220.971.977	2.769.680.023	đồng
- Trích quỹ đầu tư phát triển:	0	4.503.925.036	(4.503.925.036)	đồng
- Chia cổ tức	18.031.153.753	0	18.031.153.753	đồng
Tổng cộng	25.021.805.753	8.724.897.013	16.296.908.740	đồng

Công ty đã chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT.MDFQT ngày 10/12/2021:

- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
- Tỷ lệ thực hiện: 4,5% (01 cổ phiếu được nhận 450 đồng)
- Ngày thanh toán: 07/01/2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**5.18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
- Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam	467.617.480.000	467.617.480.000
- Công ty TNHH MTV cao su Tân Biên	33.671.550.000	33.671.550.000
- Công ty TNHH MTV cao su Quảng Trị	35.555.000.000	35.555.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	14.291.920.000	14.291.920.000
<b>Cộng</b>	<b>551.135.950.000</b>	<b>551.135.950.000</b>

**5.18.3 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	551.135.950.000	551.135.950.000
+ Vốn góp đầu kỳ	551.135.950.000	551.135.950.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	551.135.950.000	551.135.950.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	42.832.271.503	-

**5.18.4 Cổ phiếu**

	31/12/2021 CP	01/01/2021 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	55.113.595	55.113.595
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	55.113.595	55.113.595
+ Cổ phiếu phổ thông	55.113.595	55.113.595
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	55.113.595	55.113.595
+ Cổ phiếu phổ thông	55.113.595	55.113.595
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**5.18.5 Phân phối lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối</b>	<b>16.296.908.740</b>	<b>11.104.942.267</b>
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD năm nay	85.872.722.079	25.021.805.753
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận		
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận		
Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ trong năm	102.169.630.819	36.126.748.020
Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó:	(41.098.026.490)	(19.829.839.280)
+ Chia cổ tức năm nay	(42.832.271.503)	-
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	4.503.925.036	(11.564.867.303)
+ Trích quỹ KTPL	(2.769.680.023)	(8.264.971.977)
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>61.071.604.329</b>	<b>16.296.908.740</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.19 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
- USD	58.109,55	144.771,49
- EUR	303,37	314,29

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Doanh thu bán thành phẩm	1.122.055.795.069	917.174.341.159
<b>Cộng</b>	<b>1.122.055.795.069</b>	<b>917.174.341.159</b>

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.515.011.322	3.667.172.366
Trong đó:		
+ <i>Chiết khấu thương mại</i>	76.401.322	395.660.869
+ <i>Giảm giá hàng bán</i>	2.438.610.000	328.500.129
+ <i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	2.943.011.368

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá vốn bán thành phẩm	906.234.425.279	758.881.171.330
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.717.591.867)	-
<b>Cộng</b>	<b>903.516.833.412</b>	<b>758.881.171.330</b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.406.308	14.918.471
- Lãi chênh lệch tỷ giá	547.034.295	560.701.584
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	57.177.965	-
<b>Cộng</b>	<b>624.618.568</b>	<b>575.620.055</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.5 Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	29.852.962.220	50.550.507.308
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.464.275	92.969.777
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	36.308.572
<b>Cộng</b>	<b>29.877.426.495</b>	<b>50.679.785.657</b>

**6.6 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a. Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>58.870.126.339</b>	<b>60.450.031.739</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	61.326.200	66.901.344
- Chi phí nhân công	2.496.984.103	1.934.722.241
- Chi phí khấu hao TSCĐ	521.254.821	351.504.849
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.721.581.434	57.476.438.563
- Chi phí khác bằng tiền	1.068.979.781	620.464.742
<b>b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>16.044.711.983</b>	<b>12.031.806.894</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	570.164.336	139.536.357
- Chi phí nhân công	7.888.396.155	5.310.194.795
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.995.451.046	2.188.520.578
- Thuế, phí, lệ phí	842.572.426	659.081.696
- Chi phí dự phòng	265.768.591	385.553.383
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.288.899.429	3.198.026.419
- Chi phí khác bằng tiền	193.460.000	150.893.666

**6.7 Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Thanh lý, nhượng bán CCDC, NVL	730,800,000	3,542,916,000
- Các khoản khác	207,026,786	85,319,257
<b>Cộng</b>	<b>937,826,786</b>	<b>3,628,235,257</b>

**6.8 Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá trị còn lại CCDC, NVL thanh lý	643,338,433	3,499,312,000
- Chi phí khấu hao TS ngừng SX	1,075,654,716	201,387,777
- Các khoản bị phạt	9,174,858	8,566,336
- Các khoản chi phí khác	6,937,963,445	274,210,464
<b>Cộng</b>	<b>8,666,131,452</b>	<b>3,983,476,577</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>104.127.999.420</b>	<b>31.684.751.908</b>
- Lợi nhuận của nhà máy MDF1	76.147.444.088	38.266.393.669
- Lợi nhuận của nhà máy MDF2	27.980.555.332	(6.581.641.761)
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>1.168.909.958</b>	<b>577.067.154</b>
- Thù lao Hội đồng quản trị	84.000.000	48.000.000
- Các khoản chi phí không hợp lý	1.084.829.574	484.164.577
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	80.384	44.902.577
<b>Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>105.296.909.378</b>	<b>32.261.819.062</b>
- Thu nhập chịu thuế nhà máy MDF1	77.255.864.040	38.456.087.307
- Thu nhập chịu thuế nhà máy MDF2	28.041.045.338	(6.194.268.245)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>18.255.277.341</b>	<b>6.452.363.812</b>
<b>Truy thu thuế TNDN theo KTNN</b>	<b>-</b>	<b>210.582.343</b>
<b>Chi phí thuế TNDN năm 2021</b>	<b>18.255.277.341</b>	<b>6.662.946.155</b>

**6.10 Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	85.872.722.079	25.021.805.753
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	6.987.653.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	55.113.595	55.113.595
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>1.558</b>	<b>327</b>

**6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu, CCDC	755.070.153.081	449.545.524.588
- Chi phí nhân công	74.184.019.253	50.581.538.706
- Khấu hao tài sản cố định	98.183.915.091	72.552.697.102
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	190.429.189.290	166.967.971.188
- Chi phí bằng tiền khác	1.262.439.781	877.819.929
<b>Cộng</b>	<b>1.119.129.716.496</b>	<b>740.525.551.513</b>

**6.12 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.632.332.491	68.603.860.356
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.950.491.752	39.810.326.106
Đầu tư dài hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>62.582.824.243</b>	<b>111.414.186.462</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	442.307.212.131	490.187.135.058
Phải trả người bán và phải trả khác	87.005.789.760	48.103.986.696
Chi phí phải trả	3.205.991.171	5.567.333.214
<b>Cộng</b>	<b>532.518.993.062</b>	<b>543.858.454.968</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(469.936.168.819)</b>	<b>(432.444.268.506)</b>

Tại ngày 31/12/2021 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>31/12/2021</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	300.698.565.658	141.608.646.473	442.307.212.131
Phải trả người bán và phải trả khác	87.005.789.760	-	87.005.789.760
Chi phí phải trả	3.205.991.171	-	3.205.991.171
<b>Cộng</b>	<b>390.910.346.589</b>	<b>141.608.646.473</b>	<b>532.518.993.062</b>
<b>01/01/2021</b>			
Vay và nợ thuê tài chính	238.578.488.585	251.608.646.473	490.187.135.058
Phải trả người bán và phải trả khác	48.103.986.696	-	48.103.986.696
Chi phí phải trả	5.567.333.214	-	5.567.333.214
<b>Cộng</b>	<b>292.249.808.495</b>	<b>251.608.646.473</b>	<b>543.858.454.968</b>

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>31/12/2021</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.632.332.491	-	37.632.332.491
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.950.491.752	-	21.950.491.752
Đầu tư dài hạn	-	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>59.582.824.243</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>62.582.824.243</b>
<b>01/01/2021</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.603.860.356	-	68.603.860.356
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.810.326.106	-	39.810.326.106
Đầu tư dài hạn	-	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>108.414.186.462</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>111.414.186.462</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**6.13 Báo cáo bộ phận**

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng khu vực địa lý mà không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh và loại hình kinh doanh sản xuất là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

**7 Thông tin khác****7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**7.2 Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập của Thành viên hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát:

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

		Năm 2021			Năm 2020		
		Tiền thù lao VND	Tiền thưởng VND	Cộng VND	Tiền thù lao VND	Tiền thưởng VND	Cộng VND
<b>Ban Tổng giám đốc</b>		<b>914,816,054</b>	-	<b>914,816,054</b>	<b>851,782,377</b>	-	<b>851,782,377</b>
Cao Thanh Nam	Tổng Giám đốc	374,242,933	-	374,242,933	348,456,427	-	348,456,427
Nguyễn Văn Công	Phó Tổng Giám đốc	270,286,561	-	270,286,561	251,662,975	-	251,662,975
Nguyễn Thế Mai	Phó Tổng Giám đốc	270,286,561	-	270,286,561	251,662,975	-	251,662,975
<b>Ban kiểm soát</b>		<b>235,634,440</b>	-	<b>235,634,440</b>	<b>219,398,491</b>	-	<b>219,398,491</b>
Lê Chiến Sỹ	Trưởng Ban Kiểm soát	235,634,440	-	235,634,440	219,398,491	-	219,398,491
<b>Tổng cộng</b>		<b>1,150,450,494</b>	-	<b>1,150,450,494</b>	<b>1,071,180,868</b>	-	<b>1,071,180,868</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với bên liên quan chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam	Công ty mẹ	Thuê văn phòng	44.548.364	44.548.364
		Thanh toán nợ	49.003.200	49.003.200
		Chi trả cổ tức	15.291.091.596	14.028.524.400
Công ty CP Cao su Tân Biên	Cổ đông, thành viên cùng tập đoàn	Chi trả cổ tức	1.101.059.685	1.001.146.500
Công ty CP Cao su Quảng Trị	Cổ đông, thành viên cùng tập đoàn	Chi trả cổ tức	1.162.648.500	1.066.650.000

**7.3 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.



Cao Thanh Nam  
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 16 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Cao Duy Hải  
Người lập

Quảng Trị, ngày 17 tháng 02 năm 2022

Số: 40/MDFQT-TCKT

"V/v giải trình báo cáo tài chính năm 2021"

**Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Thực hiện quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 11, Chương III, Thông tư số: 155/2015/TT - BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán: "Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại Khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải giải trình nguyên nhân xảy ra lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước".

Công ty cổ phần gỗ MDF VRG - Quảng Trị xin giải trình về kết quả kinh doanh năm 2021 như sau:

DVT: đồng

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2020	% thay đổi
1	Tổng DT và thu nhập khác	1.121.103.229.101	917.711.024.105	22,16%
2	Tổng chi phí	1.016.975.229.681	886.026.272.197	14,78%
3	Lợi nhuận trước thuế	104.127.999.420	31.684.751.908	228,64%
4	Lợi nhuận sau thuế	85.872.722.079	25.021.805.753	243,19%

Công ty đã chuẩn bị tốt cho việc sản xuất kinh doanh trong năm 2020 tạo đà cho việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021 như: Hoàn thiện dây chuyền sản xuất trong việc giảm giá thành sản xuất, tối giản tiêu hao không cần thiết, nâng công suất hoạt động dây chuyền vượt công suất thiết kế 53%, Trả hết nợ dài hạn đến hạn phải trả, và trả trước một phần nợ dài hạn có lãi suất cao nên chi phí lãi vay giảm đi đáng kể. Cụ thể những tháng đầu năm 2020 lãi vay phải trả mỗi tháng 4,5 tỷ đồng, những tháng đầu năm nay giảm xuống còn 2,3 -2,4 đồng/tháng. Vì vậy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021 với tín hiệu rất tích cực và khả quan cụ thể năm 2021 so cùng kỳ năm trước qua các chỉ tiêu sau:

1- Về doanh thu: Doanh thu năm 2021 tăng 22,16% so với cùng kỳ năm trước do: Thị trường tiêu thụ những tháng đầu năm 2021 khởi sắc nên sản lượng tiêu thụ tăng 1,97 lần so cùng kỳ năm trước từ 61.253 lên đến 120.527 m<sup>3</sup> đồng thời giá bán bình quân 6 tháng đầu năm tăng 7,76% so cùng kỳ năm trước. Mặc dù 6 tháng cuối năm ảnh hưởng từ đại dịch covid-19, việc tiêu thụ giảm đi đáng kể so 6 tháng đầu năm từ 120.527 m<sup>3</sup> xuống còn 103.427 m<sup>3</sup> giảm 14%, nhưng công ty vẫn duy trì được sản xuất liên tục. Lũy kế cả năm 2021 tiêu thụ 223.954 m<sup>3</sup> tăng 17% so cùng kỳ năm trước, kết hợp giá bán bình quân 2021 tăng 8,84% so năm trước dẫn đến doanh thu tăng trên.

2- Về tổng chi phí: Tổng chi phí năm 2021 tăng 14,78% so với cùng kỳ năm trước nhưng mức tăng không bằng mức tăng của doanh thu. Chi phí lãi vay vốn đầu tư dài hạn giảm 41% so cùng kỳ năm trước dẫn đến tổng chi phí giảm so với cùng kỳ năm trước. Ngược lại giá bán bình quân năm 2021 tăng 8,84% so năm trước vì vậy kết quả kinh doanh năm nay cao hơn năm trước rất nhiều.

3- Cụ thể lợi nhuận sau thuế năm 2021 rất ấn tượng và đạt trên 85,87 tỷ đồng vượt kế hoạch đề ra, tăng gấp 2,43 lần so năm trước. Do các nguyên nhân trên, đặc biệt về tiết kiệm định mức tiêu hao trong khâu giảm giá thành sản xuất, giảm chi phí so năm trước.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị về chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2021 so với cùng kỳ năm trước.

Xin trân trọng cảm ơn !

*Nơi nhận :*

- Như trên;
- Lưu : VT, TCKT.

